

# HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói HHDV:

**“Sửa chữa, cải tạo các đường cáp mạng, điện, cáp kết nối các thiết bị hệ thống âm thanh, ánh sáng cho hội trường nhà điều hành VIAGS tại sân bay TSN”**

Bên mời chào giá: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025*

**Tổ trưởng Tổ mua sắm**



**Đặng Vĩnh Tài**

## MỤC LỤC

|                                                                     |           |
|---------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ .....</b>                                 | <b>3</b>  |
| <b>1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ .....</b>                         | <b>4</b>  |
| <b>2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP .....</b>                     | <b>5</b>  |
| <b>3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ .....</b>                                    | <b>6</b>  |
| <b>4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ .....</b>                                 | <b>6</b>  |
| 4.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm .....              | 6         |
| 4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về yêu cầu chất lượng: .....               | 6         |
| <b>5. CÁC YÊU CẦU KHÁC .....</b>                                    | <b>7</b>  |
| 5.1. Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX .....                | 7         |
| 5.2. Làm rõ HSDX .....                                              | 8         |
| 5.3. Đánh giá các HSDX .....                                        | 8         |
| 5.4. Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn .....                     | 9         |
| 5.5. Thông báo kết quả chào giá .....                               | 10        |
| 5.6. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng .....               | 10        |
| 5.7. Xử lý vi phạm .....                                            | 10        |
| 5.8. Các biểu mẫu .....                                             | 10        |
| Mẫu số 1: ĐƠN CHÀO GIÁ .....                                        | 11        |
| Mẫu số 2: GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup> .....                        | 12        |
| Mẫu số 3: BIỂU GIÁ CHÀO .....                                       | 13        |
| Mẫu số 4: BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN ..... | 14        |
| Mẫu số 5: BIÊN BẢN CAM KẾT .....                                    | 15        |
| <b>Phụ lục 1: Yêu cầu kỹ thuật .....</b>                            | <b>16</b> |

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|      |                        |
|------|------------------------|
| HSYC | Hồ sơ yêu cầu chào giá |
| HSDX | Hồ sơ đề xuất          |
| VNĐ  | Đồng Việt Nam          |

## THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Hiện nay Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam có nhu cầu mua sắm gói HHDV **“Sửa chữa, cải tạo các đường cáp mạng, điện, cáp kết nối các thiết bị hệ thống âm thanh, ánh sáng cho hội trường nhà điều hành VIAGS tại sân bay TSN”** theo hình thức mua sắm chào giá.

VIAGS kính mời Quý Công ty tham gia chào giá gói HHDV này.

Thời gian phát hành Hồ sơ yêu cầu: Từ 09 giờ 00 ngày 21/11/2025.

Hạn cuối nộp hồ sơ đề xuất: 16 giờ 00 ngày 28/11/2025.

Địa điểm nộp hồ sơ đề xuất: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam, Phòng Công nghệ thông tin, Tầng 4 Nhà điều hành Tòa nhà Điều hành VIAGS – sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi tiết xin liên hệ:

Ông: Phạm Tuấn Hiệp – Đội phó Phòng CNTT

Điện thoại: 0938756786

Email: [hieppt@viags.vn](mailto:hieppt@viags.vn)

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Tổ MS.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔ TRƯỞNG TỔ MUA SẮM**

**Đặng Vĩnh Tài**

## 1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

### 1.1 Nội dung, danh mục dịch vụ, số lượng:

| STT       | Danh mục hàng hóa                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| <b>I</b>  | <b>VẬT TƯ ÂM THANH</b>                                                                    |             |          |
| 1         | Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh SC-STAGE Micro. Cable 2x0,22mm black                     | Mét         | 400      |
| 2         | Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh Speaker cable MERIDIAN SP225/black 2x2,5qmm              | Mét         | 70       |
| 3         | Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh ELEPHANT SPM425 Speakern./black 4x2.5mm                  | Mét         | 20       |
| 4         | Cáp Cat5e                                                                                 | Mét         | 60       |
| 5         | Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh SC-Scuba microphone-patchcable/Black 2x0.14mm2 (10*100m) | Mét         | 15       |
| 6         | Cáp tín hiệu cho micro shure UA8100                                                       | Cái         | 1        |
| 7         | Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh UA850 hiệu Shure                                         | Cái         | 1        |
| 8         | Dây CV 2.5                                                                                | Mét         | 400      |
| 9         | Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR-Cableplug 3 pin nickel (NC3MXX)                              | Cái         | 40       |
| 10        | Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR- Cablessocket 3pin, nickel (NC3FXX)                          | Cái         | 34       |
| 11        | Đầu cắm tín hiệu Neutrik Speakon 4pin (NL4FXX-W-S)                                        | Cái         | 14       |
| 12        | Đầu cắm tín hiệu Neutrik 3.5MM Klinkenstecker abgewinkelt (NTP3RC)                        | Cái         | 2        |
| 13        | Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK Klinke mono (2pol) 6.35mm (NP2X)                                 | Cái         | 10       |
| 14        | Tủ đựng thiết bị -CR 16U                                                                  | Cái         | 1        |
| 15        | Pát loa treo trần EON715                                                                  | Cái         | 2        |
| 16        | Đế loa sub di động                                                                        | Cái         | 2        |
| 17        | Ổ 6DND dây 3mx3 10A, có bảo vệ bằng CB - 6DND 3.3.10                                      | Cái         | 2        |
| 18        | Cáp nối dài chuyên dụng 5m                                                                | Sợi         | 3        |
| 19        | Cáp nối dài chuyên dụng 10m                                                               | Sợi         | 2        |
| <b>II</b> | <b>VẬT TƯ ÁNH SÁNG</b>                                                                    |             |          |
| 1         | Cáp điều khiển 20AWG 1 đôi, hiệu Alantek, 500m/ cuộn                                      | Mét         | 300      |
| 2         | Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR-Kabebllbuchse 5polig, nickel (NC5MXX)                        | Cái         | 1        |
| 3         | Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR-Kabelbuchse 5polig, nickel (NC5FXX)                          | Cái         | 1        |
| 4         | Đầu cắm tín hiệu HICON-XLR Cable-socket 3-pin nickel (HI-X3CF-V)                          | Cái         | 50       |
| 5         | Đầu cắm tín hiệu HICON-XLR Cable plug 3-pin nickel (HI-                                   | Cái         | 50       |

| STT      | Danh mục hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|          | <b>X3CM-V)</b>                                                                                                                                                                                                                                                        |             |          |
| 6        | <b>Dây CV 2.5</b>                                                                                                                                                                                                                                                     | Mét         | 400      |
| 7        | <b>Sào treo đèn phi 49 dài 1.8m</b>                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ          | 2        |
| 8        | <b>Sào treo đèn phi 49 dài 2.5m</b>                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ          | 1        |
| 9        | <b>Sào treo đèn phi 49 dài 3m</b>                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ          | 2        |
| 10       | <b>Sào treo đèn phi 49 dài 5m</b>                                                                                                                                                                                                                                     | Bộ          | 1        |
| 11       | <b>Cùm treo đơn, chất liệu hợp kim nhôm</b>                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 50       |
| 12       | <b>Phụ kiện đèn (Barndoor)</b>                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 12       |
| 13       | Dây điện nguồn kéo từ tủ điện tổng về phòng hội trường (Bao gồm: Cáp Điện CVV 4x10 -300/500V - 25 Mét; Dây điện CV 10 - 0.6/1kV - 25 Mét; Dây điện CV 1.5 - 0.6/1kV - 256 Mét; Dây điện CV 1-0,6/1kV - 200 Mét; Ống mềm SP9032CM - 25 Mét; Ống mềm SP9020CM - 50 Mét) | Gói         | 1        |
| 14       | Tủ 2R 12M (bao gồm cầu dao)                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 1        |
| <b>C</b> | <b>CHI PHÍ THI CÔNG LẮP ĐẶT VÀ HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                                 | Gói         | 1        |
| 1        | Tháo bỏ hệ thống cáp âm thanh và đường dây điện cũ đã có bị hỏng                                                                                                                                                                                                      |             |          |
| 2        | Tháo gỡ và di dời những thiết bị âm thanh lắp trên tường và sân khấu của hệ thống cũ                                                                                                                                                                                  |             |          |
| 3        | Thi công kéo cáp âm thanh                                                                                                                                                                                                                                             |             |          |
| 4        | Thi công kéo cáp ánh sáng                                                                                                                                                                                                                                             |             |          |
| 5        | Thi công kéo mạng                                                                                                                                                                                                                                                     |             |          |
| 6        | Thi công treo sào đèn                                                                                                                                                                                                                                                 |             |          |
| 7        | Thi công kéo dây điện và ổ cắm điện                                                                                                                                                                                                                                   |             |          |
| 8        | Tháo hệ thống mới cáp âm thanh và ánh sáng mới để thực hiện làm nội thất phòng mới                                                                                                                                                                                    |             |          |
| 9        | Tháo gỡ và di dời hệ thống cáp âm thanh và ánh sáng mới để thực hiện làm nội thất phòng mới                                                                                                                                                                           |             |          |
| 10       | Lắp thiết bị âm thanh, ánh sáng, hội nghị hệ thống mới đưa vào hoạt động của công ty                                                                                                                                                                                  |             |          |
| 11       | Hỗ trợ nhân sự làm trực tiếp của hội họp và những ngày lễ lớn của Cty Viags. Nhân sự 2 người và tổng số làm trực tiếp là 5 lần.                                                                                                                                       |             |          |

**1.2 Yêu cầu, tiêu chuẩn hàng hóa/dịch vụ:** theo Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC.

**1.3 Điều kiện, địa điểm, thời gian giao hàng:** theo nội dung Yêu cầu quan trọng khác tại Mục 4.2 HSYC.

## **2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP**

2.1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động phù hợp, hợp pháp được cấp theo qui định của pháp luật (còn hiệu lực).

2.2. Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam.

2.3. Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu.

### 3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ

3.1. Giá chào là giá do Nhà cung cấp nêu trong Đơn chào giá sau khi trừ giá trị giảm giá ghi trong Thư giảm giá (nếu có).

3.2. Trường hợp Nhà cung cấp có Thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp Thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì Nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có Thư giảm giá.

3.3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3 Mục 5.8, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào (chi phí vận chuyển, thuế, phí) và có định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

3.4. Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng (VND).

### 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

4.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

| STT | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                            | Mức độ đáp ứng                  |                                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                             | Đạt                             | Không đạt                                     |
| 1   | Hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin, cung cấp, sửa chữa thiết bị, hệ thống mạng, máy chủ,...                                                                                                                         | $\geq 05$ năm                   | $< 05$ năm                                    |
| 2   | Vốn điều lệ                                                                                                                                                                                                                                 | $\geq 1$ tỷ đồng                | $< 1$ tỷ đồng                                 |
| 3   | Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự của Nhà cung cấp theo Mẫu số 4 Mục 5.8 (cung cấp bản sao y hợp đồng của nhà cung cấp) trong đó:                                                                                                         |                                 |                                               |
|     | Có 01 hợp đồng thực hiện trong 1 năm trong vòng tối đa 05 năm, có tổng giá trị hợp đồng $\geq 183.975.300$ VND về cung cấp hàng hóa/dịch vụ về điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin trong 05 năm (từ tháng 11/2020 đến nay).            | $\geq 01$ Hợp đồng              | Không có Hợp đồng nào                         |
|     | Hoặc Có 02 hợp đồng trong cùng 01 năm đồng thực hiện trong tối đa 05 năm, có tổng giá trị hợp đồng $\geq 257.565.420$ VND về cung cấp hàng hóa/dịch vụ về điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin trong 05 năm (từ tháng 11/2020 đến nay). | $\geq 02$ Hợp đồng              | Không có Hợp đồng nào                         |
|     | <b>KẾT LUẬN</b>                                                                                                                                                                                                                             | <b>Đạt tất cả nội dung trên</b> | <b>Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên</b> |

4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về yêu cầu chất lượng:

| TT        | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mức độ đáp ứng                  |                                               |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đạt                             | Không đạt                                     |
| <b>I</b>  | <b>Yêu cầu Kỹ thuật</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                 |                                               |
| 1         | Các yêu cầu, tiêu chuẩn cụ thể của hàng hóa/dịch vụ chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm.                                                                                                                                                                                                                      | Cam kết đáp ứng                 | Không đáp ứng                                 |
| 2         | Bảo hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                 |                                               |
|           | - Thời gian bảo hành thiết bị là 12 tháng sau khi nghiệm thu.<br>- Trong thời gian bảo hành, khi có sự cố được VIAGS thông báo thì nhà cung cấp phải tiến hành tìm hiểu và khắc phục lỗi trong vòng 48h.                                                                                                   | Cam kết đáp ứng                 | Không đáp ứng                                 |
| <b>II</b> | <b>Yêu cầu quan trọng khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                 |                                               |
| 1         | Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.                                                                                                                                                                                                                          | Cam kết đáp ứng                 | Không đáp ứng                                 |
| 2         | Địa điểm thực hiện: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (Sân bay Tân Sơn Nhất)                                                                                                                                                                                                               | Cam kết đáp ứng                 | Không đáp ứng                                 |
| 3         | Điều kiện thanh toán:<br>Thanh toán 100% tổng giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên bàn giao nghiệm thu HHDV và Bên Bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán, bao gồm:<br>+ Hóa đơn tài chính hợp lệ;<br>+ Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa/dịch vụ;<br>+ Giấy đề nghị thanh toán. | Cam kết đáp ứng                 | Không đáp ứng                                 |
|           | <b>KẾT LUẬN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Đạt tất cả nội dung trên</b> | <b>Không Đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên</b> |

## 5. CÁC YÊU CẦU KHÁC

### 5.1. Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX

#### 5.1.1. Nội dung của HSDX

a) HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp liên quan đến việc Chào giá phải được viết bằng tiếng Việt (đối với các CQĐV trong nước).

b) HSDX do Nhà cung cấp chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp (Giấy đăng ký kinh doanh bản sao của nhà cung cấp hoặc bản công chứng/chứng thực);
- Đơn chào giá theo Mẫu số 1 tại Mục 5.8 HSYC, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ);
- Giấy ủy quyền (nếu có) tham khảo theo Mẫu số 2 Mục 5.8 HSYC;

- Biểu giá chào tham khảo theo Mẫu số 3 Mục 5.8 HSYC;
- Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp: Giới thiệu về Nhà cung cấp (nếu có); Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự (từ tháng 11/2020 đến nay) về cung cấp dịch vụ của Nhà cung cấp theo Mẫu số 4 Mục 5.8 (kèm bản sao y hợp đồng của nhà cung cấp); Các tài liệu khác chứng minh năng lực kinh nghiệm tại mục 4.1 HSYC; Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục 4.2 HSYC.
- Dự thảo hợp đồng (nếu có)
- Các tài liệu kỹ thuật (nếu có).

#### **5.1.2. Thời gian có hiệu lực của HSDX**

Thời gian có hiệu lực của HSDX là tối thiểu 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX quy định tại mục 5.1.3 Điểm b.

#### **5.1.3. Chuẩn bị và nộp HSDX**

a) Hồ sơ đề xuất do Nhà cung cấp chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được. Đơn chào giá, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào giá) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

b) Nhà cung cấp nộp HSDX đến Bên mời chào giá bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là **16 giờ 00 ngày 28 tháng 11 năm 2025**. HSDX của Nhà cung cấp gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.

Địa điểm nộp HSDX: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam, Phòng Công nghệ thông tin, Tầng 4 Nhà điều hành Tòa nhà Điều hành VIAGS – sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Ông: Phạm Tuấn Hiệp – Đội phó Phòng CNTT.

Điện thoại: 0938756786.

### **5.2. Làm rõ HSDX**

**5.2.1.** Trong quá trình đánh giá HSDX, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu (Giấy đăng ký kinh doanh, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và các tài liệu khác) theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

**5.2.2.** Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (Bên mời chào giá mời Nhà cung cấp đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (Bên mời chào giá gửi văn bản yêu cầu làm rõ và Nhà cung cấp phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của Nhà cung cấp. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được Bên mời chào giá bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời chào giá không nhận được văn bản làm rõ hoặc Nhà cung cấp có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành

### **5.3. Đánh giá các HSDX**

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

**5.3.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX, bao gồm:**

- a) Thời gian nộp HSDX;
- b) Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 2 (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của Bên mời chào giá);
- c) Tính hợp lệ (chữ ký, thời gian) trong các tài liệu như Đơn chào giá, Giấy ủy quyền (nếu có), Biểu giá chào;
- d) Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 5.1.2;
- e) Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa/dịch vụ theo yêu cầu tại Mục 1;

HSDX của Nhà cung cấp sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu Nhà cung cấp không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

**5.3.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp**

Bên mời chào giá đánh giá năng lực, kinh nghiệm các Nhà cung cấp theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm quy định tại Mục 4.1 và sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các nội dung chi tiết về năng lực, kinh nghiệm được đánh giá là “Đạt”.

**5.3.3. Đánh giá về kỹ thuật**

Bên mời chào giá đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC đối với HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ và năng lực, kinh nghiệm. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “Đạt”.

**5.3.4. So sánh giá chào**

a) Bên mời chào giá xác định giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Luật Đấu thầu và trừ giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có) để tiến hành so sánh. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

b) Trong trường hợp các Nhà cung cấp có giá chào so sánh (giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá) ngang nhau, Bên mời chào giá sẽ xếp hạng Nhà cung cấp theo thứ tự ưu tiên về so sánh các điều kiện chào tốt hơn/có lợi hơn cho Bên mời chào giá như: điều kiện thanh toán; đặc tính kỹ thuật, chất lượng hàng hóa/dịch vụ; quy mô, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp; các điều kiện khác có lợi hơn cho bên thứ ba thụ hưởng hàng hóa/dịch vụ (nội dung khuyến khích Nhà cung cấp chào các điều kiện có lợi hơn quy định tại Biểu giá chào Mẫu số 3 Mục 5.8

**5.4. Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn**

Nhà cung cấp được đề nghị chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, điều kiện thanh toán và giao hàng (nếu có) như trong HSYC;

- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà cung cấp chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

- Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá thấp nhất và không vượt giá gói hàng hóa/dịch vụ được duyệt.

#### **5.5. Thông báo kết quả chào giá**

Sau khi có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn NCC, Bên mời chào giá gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn NCC đến tất cả các Nhà cung cấp tham gia nộp HSDX, không cần thiết giải thích lý do đối với Nhà cung cấp không được lựa chọn.

Đối với Nhà cung cấp được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng kèm theo dự thảo hợp đồng (nếu có).

#### **5.6. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng**

Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng trên cơ sở kết quả lựa chọn NCC được duyệt, HSYC, HSDX của Nhà cung cấp được lựa chọn và dự thảo hợp đồng (nếu có)

#### **5.7. Xử lý vi phạm**

Trường hợp Nhà cung cấp có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật khác liên quan

#### **5.8. Các biểu mẫu**

- Mẫu số 1: Đơn chào giá
- Mẫu số 2: Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3: Biểu giá chào
- Mẫu số 4: Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự
- Mẫu số 5: Biên bản cam kết

**ĐƠN CHÀO GIÁ**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên Bên mời chào giá*]

(Sau đây gọi là *Bên mời chào giá*)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu (nếu có) số \_\_\_\_\_ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*Ghi tên Nhà cung cấp*], cam kết thực hiện gói hàng hóa/dịch vụ \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói HHDV*] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ \_\_\_\_\_ giờ, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất*].

**Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp<sup>(1)</sup>**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp trúng chào giá phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà cung cấp bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 5.7 HSYC này.

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*Ghi tên Nhà cung cấp*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ \_\_\_\_ [*Ghi tên gói hàng hóa/dịch vụ*] do \_\_\_\_ [*Ghi tên Bên mời chào giá*] tổ chức:

*[- Ký đơn chào giá;*

*- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá/Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] <sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*Ghi tên Nhà cung cấp*]. \_\_\_\_ [*Ghi tên Nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu  
(nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của Nhà cung cấp, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc Giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với Đơn chào giá theo quy định tại Điểm b Mục 5.1.1. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của Giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

**BIỂU GIÁ CHÀO****1. Nội dung cung cấp**

| TT                                | Hạng mục | Chi tiết | Đơn giá | Đơn vị tính | Số lượng | Thành tiền/<br>tháng |
|-----------------------------------|----------|----------|---------|-------------|----------|----------------------|
| (1)                               | (2)      | (3)      | (4)     | (5)         | (6)      | (7)=(4)x(6)          |
| 1.                                |          |          |         |             |          |                      |
| 2.                                |          |          |         |             |          |                      |
| ...                               | ...      |          |         |             |          |                      |
| <b>Tổng</b>                       |          |          |         |             |          |                      |
| <b>Thuế VAT (...%)</b>            |          |          |         |             |          |                      |
| <b>Tổng cộng (đã bao gồm VAT)</b> |          |          |         |             |          |                      |

*(Mức thuế VAT có thể thay đổi theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn)*

**2. Giá trị giảm giá (nếu có).**

3. Cam kết của Nhà cung cấp về đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cung cấp hàng hóa/dịch vụ theo đúng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC hoặc Nhà cung cấp chào cụ thể các tiêu chí yêu cầu theo quy định tại Mục 4.2.

4. Nhà cung cấp được khuyến khích đưa ra các điều kiện khác có lợi cho bên thứ ba thụ hưởng hàng hóa/dịch vụ (nếu có). Bên mời chào giá sẽ xem xét các nội dung này khi đánh giá HSDX của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 5.3.4 Điểm b.

**Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN**

**Về sản xuất/cung cấp hàng hóa/dịch vụ tương tự trong ... năm gần đây**

Tên Nhà cung cấp: \_\_\_\_\_

| <b>STT</b> | <b>Tên và số<br/>hợp đồng</b> | <b>Ngày ký<br/>hợp đồng</b> | <b>Tên đối<br/>tác ký<br/>hợp đồng</b> | <b>Địa chỉ<br/>đối tác</b> | <b>Điện thoại<br/>/fax/email<br/>của đối tác</b> | <b>Giá trị<br/>hợp đồng<br/>(VND)</b> |
|------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1          |                               |                             |                                        |                            |                                                  |                                       |
| 2          |                               |                             |                                        |                            |                                                  |                                       |
| 3          |                               |                             |                                        |                            |                                                  |                                       |

**BIÊN BẢN CAM KẾT**

**1. CÁC YÊU CẦU QUAN TRỌNG KHÁC**

| <b>STT</b> | <b>Yêu cầu kỹ thuật</b> | <b>Mô tả chi tiết</b> | <b>Mức độ đáp ứng</b>                |
|------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------------------|
| 1          |                         |                       | <i>Cam kết đáp ứng/Không cam kết</i> |
| 2          |                         |                       |                                      |
| 3          |                         |                       |                                      |

**Phụ lục 1: Yêu cầu kỹ thuật**

| <b>STT</b> | <b>Yêu cầu kỹ thuật</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>VẬT TƯ ÂM THANH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1          | <p><b>Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh SC-STAGE Micro. Cable 2x0,22mm black</b><br/>           Chất liệu: 2 lõi đồng, không bị oxy hóa, tiết diện 0,22mm<sup>2</sup>.<br/>           Cấu trúc sợi đồng: 28 sợi x 0,10 mm<br/>           Điện trở lõi dây dẫn (trên mỗi 1 km): 87 Ω<br/>           Chống nhiễu: 99%<br/>           Vỏ bọc bên ngoài: PVC<br/>           Có thể lắp đặt trong nhà hoặc ngoài trời, cho các tín hiệu analog<br/>           Nhiệt độ tối thiểu: - 20 độ C<br/>           Nhiệt độ tối đa: 70 độ C</p>                                                                                                                                                 |
| 2          | <p><b>Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh Speaker cable MERIDIAN SP225/black 2x2,5qmm</b><br/>           Tính chất: 2 lõi đồng, không bị oxy hóa, tiết diện 2,50 mm<sup>2</sup><br/>           Cấu trúc sợi đồng: 140 sợi x 0,15 mm<br/>           Điện trở lõi dây dẫn (trên mỗi 1 km): 7.5 Ω<br/>           Điện dung giữa 2 lõi dẫn (trên mỗi mét): 136 pF<br/>           Có thể lắp đặt trong nhà hoặc ngoài trời, cho các tín hiệu analog, ELA 100 V<br/>           Vỏ bọc bên ngoài: PVC<br/>           Nhiệt độ tối thiểu: - 30 độ C<br/>           Nhiệt độ tối đa: 70 độ C</p>                                                                                              |
| 3          | <p><b>Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh ELEPHANT SPM425 Speakern./black 4x2.5mm</b><br/>           Chất liệu: 4 lõi đồng, không bị oxy hóa, tiết diện: 2.5 mm<sup>2</sup><br/>           Cấu trúc sợi đồng: 78 sợi x 0,20 mm<br/>           Lắp đặt trong nhà, ngoài trời, ứng dụng analog, hỗ trợ hệ thống âm thanh ELA 100 V<br/>           Điện trở lõi dây dẫn (trên mỗi 1 km): 7.5 Ω<br/>           Điện dung giữa 2 lõi dẫn (trên mỗi mét): 136 pF<br/>           Có thể lắp đặt trong nhà hoặc ngoài trời, cho các tín hiệu analog, ELA 100 V<br/>           Vỏ bọc bên ngoài: PVC<br/>           Nhiệt độ tối thiểu: - 30 độ C<br/>           Nhiệt độ tối đa: 70 độ C</p> |
| 4          | <p><b>Cáp Cat5e</b><br/>           Hỗ trợ chuẩn: Gigabit Ethernet<br/>           Băng thông hỗ trợ: Lên đến 200 MHz</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5          | <p><b>Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh SC-Scuba microphone-patchcable/Black 2x0.14mm2 (10*100m)</b><br/>           Chất liệu: 2 lõi đồng, không bị oxy hóa, tiết diện 0,14mm<sup>2</sup>.<br/>           Cấu trúc sợi đồng: 18 sợi x 0,10 mm<br/>           Điện trở lõi dây dẫn (trên mỗi 1 km): 135 Ω<br/>           Chống nhiễu: 90%</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <p>Vỏ bọc bên ngoài: PVC</p> <p>Ứng dụng: truyền tải tín hiệu Analog</p> <p>Nhiệt độ tối thiểu: - 25 độ C</p> <p>Nhiệt độ tối đa: 70 độ C</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 6   | <p><b>Cáp tín hiệu cho micro shure UA8100</b></p> <p>Chất liệu: Lõi đồng, dài 100 feet</p> <p>Cáp ăng-ten RF Đồng trục 50 Ohm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 7   | <p><b>Cáp tín hiệu dùng trong âm thanh UA850 hiệu Shure</b></p> <p>Chất liệu: Lõi đồng, dài 50 feet</p> <p>Cáp ăng-ten RF Đồng trục 50 Ohm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 8   | <p><b>Dây CV 2.5</b></p> <p>Ruột dây dẫn gồm nhiều sợi đồng mềm xoắn đồng tâm, cách điện PVC, nhiệt độ làm việc của ruột dẫn tối đa là 70°C, sử dụng làm các đường dây phân phối và cung cấp. Tiết diện 2,5mm<sup>2</sup>. Cấp điện áp: 0,6/1 kV. Dây điện lực CV có ưu điểm mềm dẻo nên khó gãy, dễ nối, dễ luồn qua ống cong.</p>                                                                                                                                                    |
| 9   | <p><b>Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR-Cableplug 3 pin nickel (NC3MXX)</b></p> <p>Loại jack: jack đực</p> <p>Đường kính cáp phù hợp: 3.5 mm đến 8.0 mm</p> <p>Hỗ trợ các lõi dây có tiết diện tối đa 2,5 mm<sup>2</sup></p> <p>Vỏ: Vỏ kẽm đúc mạ Niken</p> <p>Tiếp điểm: Lõi bằng đồng thau được mạ 2 µm Bạc</p> <p>Điện dung giữa các tiếp điểm: ≤ 4 pF</p> <p>Điện trở tiếp xúc: ≤ 3 mΩ</p> <p>Điện áp định mức: &lt; 50 V</p> <p>Dòng định mức: 16 A</p>                                |
| 10  | <p><b>Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR- Cablessocket 3pin, nickel (NC3FXX)</b></p> <p>Kiểu kết nối: XLR</p> <p>Loại jack: jack cái</p> <p>Đường kính cáp phù hợp: 3.5 mm đến 8.0 mm</p> <p>Hỗ trợ các lõi dây có tiết diện tối đa 2,5 mm<sup>2</sup></p> <p>Vỏ: Vỏ kẽm đúc, mạ Niken</p> <p>Tiếp điểm: Lõi bằng đồng thau được mạ 2 µm Bạc.</p> <p>Điện dung giữa các tiếp điểm: ≤ 4 pF</p> <p>Điện trở tiếp xúc: ≤ 3 mΩ</p> <p>Điện áp định mức: &lt; 50 V</p> <p>Dòng định mức: 16 A</p> |
| 11  | <p><b>Đầu cắm tín hiệu Neutrik Speakon 4pin (NL4FXX-W-S)</b></p> <p>Hệ thống khóa xoắn dễ dàng</p> <p>Đầu nối cáp speakON 4 cực</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT       | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | <p>Khả năng chịu dòng lên đến 37 A</p> <p>Hỗ trợ các lõi dây có tiết diện từ 1.5 mm<sup>2</sup> đến 4 mm<sup>2</sup></p> <p>Đường kính cáp phù hợp : từ 6 mm đến 12 mm</p> <p>Tiếp điểm mạ Bạc</p> <p>Điện trở tiếp xúc: <math>\leq 2 \text{ m}\Omega</math></p> <p>Đầu nối : hỗ trợ vặn vít, không cần hàn</p> <p>Tuổi thọ : 5,000 lần cắm/rút.</p>             |
| 12        | <p><b>Đầu cắm tín hiệu Neutrik 3.5MM Klinkenstecker abgewinkelt (NTP3RC)</b></p> <p>Độ bền điện môi 1 kVdc</p> <p>Vật liệu chống điện &gt; 2 G<math>\Omega</math> (ban đầu)</p> <p>Jack cắm âm thanh 3.5 mm, 3 cực, loại Đực, Dạng góc vuông</p> <p>Hỗ trợ các lõi dây có tiết diện từ 0,22 mm<sup>2</sup></p> <p>Đường kính cáp phù hợp: từ 2 mm đến 4,5 mm</p> |
| 13        | <p><b>Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK Klinke mono (2pol) 6.35mm (NP2X)</b></p> <p>Độ bền điện môi: 1 kVdc</p> <p>Điện trở cách điện: &gt; 2 G<math>\Omega</math> (ban đầu)</p> <p>Điện áp định mức: &lt; 50 V</p> <p>Jack cắm 6.35 mm (1/4 inch), loại Đực (male)</p> <p>Vỏ bằng kẽm đúc mạ Niken, tiếp điểm mạ Niken</p>                                               |
| 14        | <p><b>Tủ đựng thiết bị -CR 16U</b></p> <p>Vật liệu: Tép tấm (steel plate)</p> <p>Bề mặt: Được xử lý và sơn tĩnh điện (powder-coated) để chống gỉ và tăng độ bền</p>                                                                                                                                                                                              |
| 15        | <p><b>Pát loa treo trần EON715</b></p> <p>Tương thích: Được thiết kế cho các mẫu loa JBL EON710, EON712, và EON715</p>                                                                                                                                                                                                                                           |
| 16        | <b>Đế loa sub di động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 17        | <p><b>Ổ 6DND dây 3mx3 10A, có bảo vệ bằng CB - 6DND 3.3.10</b></p> <p>Công suất tối đa: 2200W</p> <p>Dòng điện tối đa: 10A</p> <p>Điện áp: 250V</p> <p>Số ổ cắm: 6 ổ cắm đa năng</p>                                                                                                                                                                             |
| 18        | <p><b>Cáp nối dài chuyên dụng 5m</b></p> <p>Chiều dài: 5m</p> <p>Đường kính: Khoảng 6 mm (0.24 in)</p> <p>Loại cáp: Cáp kéo dài hệ thống (DCN Extension Cable)</p>                                                                                                                                                                                               |
| 19        | <p><b>Cáp nối dài chuyên dụng 10m</b></p> <p>Chiều dài: 10m</p> <p>Đường kính: Khoảng 6 mm (0.24 in)</p> <p>Loại cáp: Cáp kéo dài hệ thống (DCN Extension Cable)</p>                                                                                                                                                                                             |
| <b>II</b> | <b>VẬT TƯ ÁNH SÁNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1         | <b>Cáp điều khiển 20AWG 1 đôi, hiệu Alantek, 500m/ cuộn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <p>Tiết diện ruột dẫn: 20 AWG</p> <p>Số lõi: 2 lõi (1 đôi xoắn)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2   | <p><b>Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR-Kabebbuchse 5polig, nickel (NC5MXX)</b></p> <p>Loại đầu nối: XLR (Cable Connector)</p> <p>Số lượng tiếp điểm: 5</p> <p>Kiểu lắp đặt: Lắp trên cáp (Cable Mount)</p> <p>Cơ chế khóa: Khóa chốt (Latch lock)</p> <p>Vỏ: Kẽm đúc mạ Nickel</p> <p>Tiếp điểm: Lõi bằng Đồng thau, được mạ 2 <math>\mu\text{m}</math> Bạc bên ngoài lớp mạ 2 <math>\mu\text{m}</math> Niken.</p> <p>Điện trở tiếp điểm: <math>\leq 3 \text{ m}\Omega</math></p> <p>Hỗ trợ các lõi dây có tiết diện đến <math>1 \text{ mm}^2</math></p> <p>Đường kính cáp phù hợp: từ 3,5 mm đến 8 mm</p>             |
| 3   | <p><b>Đầu cắm tín hiệu NEUTRIK XLR-Kabelbuchse 5polig, nickel (NC5FXX)</b></p> <p>Loại đầu nối: XLR, Cái (Female)</p> <p>Số cực: 5 chân (5 pole)</p> <p>Cơ chế khóa: Chốt khóa kim loại (Latch lock)</p> <p>Kiểu đầu dây: Tiếp điểm hàn (Solder contacts)</p> <p>Vỏ: Kẽm đúc mạ Nickel</p> <p>Tiếp điểm: Lõi bằng Đồng thau, được mạ 2 <math>\mu\text{m}</math> Bạc bên ngoài lớp mạ 2 <math>\mu\text{m}</math> Niken.</p> <p>Điện trở tiếp điểm: <math>\leq 3 \text{ m}\Omega</math></p> <p>Hỗ trợ các lõi dây có tiết diện đến <math>1 \text{ mm}^2</math></p> <p>Đường kính cáp phù hợp: từ 3,5 mm đến 8 mm</p> |
| 4   | <p><b>Đầu cắm tín hiệu HICON-XLR Cable-socket 3-pin nickel (HI-X3CF-V)</b></p> <p>Kiểu: Đầu cắm cáp cái (socket/female)</p> <p>Số cực (Pin): 3 cực (3-pin)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 5   | <p><b>Đầu cắm tín hiệu HICON-XLR Cable plug 3-pin nickel (HI-X3CM-V)</b></p> <p>Kiểu đầu nối: XLR BASIC</p> <p>Loại: Đầu cắm đực (Male Plug)</p> <p>Số cực (Pin): 3 cực</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 6   | <p><b>Dây CV 2.5</b></p> <p>Ruột dây dẫn gồm nhiều sợi đồng mềm xoắn đồng tâm, cách điện PVC, nhiệt độ làm việc của ruột dẫn tối đa là <math>70^\circ\text{C}</math>, sử dụng làm các đường dây phân phối và cung cấp. Tiết diện <math>2,5\text{mm}^2</math>. Cáp điện áp: 0,6/1 kV. Dây điện lực CV có ưu điểm mềm dẻo nên khó gãy, dễ nối, dễ luồn qua ống cong.</p>                                                                                                                                                                                                                                             |
| 7   | <p><b>Sào treo đèn phi 49 dài 1.8m</b></p> <p>Cấu tạo: Ống thép hình trụ, dài 1.8m</p> <p>Khả năng chịu tải: Phụ thuộc vào vật liệu, độ dày và cấu trúc lắp đặt</p> <p>Bề mặt: Sơn tĩnh điện</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 8   | <p><b>Sào treo đèn phi 49 dài 2.5m</b></p> <p>Cấu tạo: Ống thép hình trụ, dài 2.5m</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT      | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | Khả năng chịu tải: Phụ thuộc vào vật liệu, độ dày và cấu trúc lắp đặt<br>Bề mặt: Sơn tĩnh điện                                                                                                                                                                        |
| 9        | <b>Sào treo đèn phi 49 dài 3m</b><br>Cấu tạo: Ống thép hình trụ, dài 3m<br>Khả năng chịu tải: Phụ thuộc vào vật liệu, độ dày và cấu trúc lắp đặt<br>Bề mặt: Sơn tĩnh điện                                                                                             |
| 10       | <b>Sào treo đèn phi 49 dài 5m</b><br>Cấu tạo: Ống thép hình trụ, dài 5m<br>Khả năng chịu tải: Phụ thuộc vào vật liệu, độ dày và cấu trúc lắp đặt<br>Bề mặt: Sơn tĩnh điện                                                                                             |
| 11       | <b>Cùm treo đơn, chất liệu hợp kim nhôm</b><br>Chất liệu: Hợp kim nhôm<br>Chức năng: Treo đèn sân khấu, kết nối các phụ kiện                                                                                                                                          |
| 12       | <b>Phụ kiện đèn (Barndoor)</b><br>Chức năng: kiểm soát hình dạng và hướng của chùm sáng                                                                                                                                                                               |
| 13       | Dây điện nguồn kéo từ tủ điện tổng về phòng hội trường (Bao gồm: Cáp Điện CVV 4x10 -300/500V - 25 Mét; Dây điện CV 10 - 0.6/1kV - 25 Mét; Dây điện CV 1.5 - 0.6/1kV - 256 Mét; Dây điện CV 1-0,6/1kV - 200 Mét; Ống mềm SP9032CM - 25 Mét; Ống mềm SP9020CM - 50 Mét) |
| 14       | <b>Tủ 2R 12M (bao gồm cầu dao)</b><br>Loại tủ: Âm tường<br>Số hàng: 2 hàng<br>Số module trên 1 hàng: 12 module<br>Vật liệu: Nhựa chống cháy<br>Kích thước: 294 x 377 x 98 mm (Rộng x Cao x Sâu)                                                                       |
| <b>C</b> | <b>CHI PHÍ THI CÔNG LẮP ĐẶT VÀ HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                                 |
| 1        | Tháo bỏ hệ thống cáp âm thanh và đường dây điện cũ đã có bị hỏng                                                                                                                                                                                                      |
| 2        | Tháo gỡ và di dời những thiết bị âm thanh lắp trên tường và sân khấu của hệ thống cũ                                                                                                                                                                                  |
| 3        | Thi công kéo cáp âm thanh                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4        | Thi công kéo cáp ánh sáng                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5        | Thi công kéo mạng                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 6        | Thi công treo sào đèn                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 7        | Thi công kéo dây điện và ổ cắm điện                                                                                                                                                                                                                                   |
| 8        | Tháo hệ thống mới cáp âm thanh và ánh sáng mới để thực hiện làm nội thất phòng mới                                                                                                                                                                                    |
| 9        | Tháo gỡ và di dời hệ thống cáp âm thanh và ánh sáng mới để thực hiện làm nội thất phòng mới                                                                                                                                                                           |
| 10       | Lắp thiết bị âm thanh, ánh sáng, hội nghị hệ thống mới đưa vào hoạt động của công ty                                                                                                                                                                                  |
| 11       | Hỗ trợ nhân sự làm trực tiếp của hội họp và những ngày lễ lớn của Cty Viags. Nhân sự 2 người và tổng số làm trực tiếp là 5 lần.                                                                                                                                       |